



jiā xiāng

家乡

Noun · home town; native place

Example Sentences

wǒ de jiā xiāng zài nán fāng nà lǐ fēng jǐng hěn měi
我的家乡在南方，那里风景很美。

My hometown is in the south, where the scenery is very beautiful.

wǒ de jiā xiāng zài běi jīng
我的家乡在北京。

My hometown is in Beijing.

wǒ cháng cháng xiǎng niàn wǒ de jiā xiāng
我常常想念我的家乡。

I often miss my hometown.

Trace each character, then write the word on your own.

家	家	家	家	家	家	家	家	家	家	家
家	家									

乡	乡	乡	乡	乡	乡					
